TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2023/DS-ST
Ngày 08 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu Ch; Sinh năm: 1980; Địa chỉ: số A ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số D, đường H, khóm K, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2023. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Đỗ Thị Tuyết Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: Hẻm B, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Hẻm C, đường P, xã B, huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Khóm V, phường L, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy ủy quyền ngày 28 tháng 4 năm 2023. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên toà như sau:

Ông Nguyễn Hữu Ch cho bà Đỗ Thị Tuyết Th vay tiền nhiều lần và nhiều thời điểm khác nhau, thời gian bắt đầu cho vay là tháng 7 năm 2019, việc vay từng lần

không có biên nhận, tổng cộng là 284.000.000 đồng, vay không có lãi, thỏa thuận bà Th thanh toán cho ông Ch mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền gốc, việc thỏa thuận này không có văn bản thể hiện. Sau đó, bà Th có thanh toán cho ông Ch nhiều lần tổng cộng được 70.000.000 đồng, việc thanh toán có biên nhận và sổ theo dõi. Vào ngày 26/11/2020 AL tức ngày 08/01/2021 bà Th viết biên nhận còn nợ tiền của ông Ch 284.000.000 đồng và đã thanh toán 50.000.000 đồng. Như vậy, sau khi trừ số tiền bà Th đã thanh toán thì bà Th còn nợ ông Ch số tiền 214.000.000 đồng. Từ ngày 08/01/2021 dương lịch đến nay bà Th không tiếp tục thanh toán cho ông Ch khoản tiền nào.

Nguyên đơn xác định số tiền cho bà Th vay là tài sản riêng của ông Ch không phải tài sản chung của ông Ch và bà T, vì ông Ch và bà T đã ly hôn từ tháng 02/2019. Tại biên nhận bà Th ghi nợ của Ch T là do ông Ch là chồng bà T, chứ không phải là tiền của Ch và T và xác định ông Ch là người trực tiếp giao tiền các lần vay cho bà Th nhận.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Ch yêu cầu bà Th thanh toán số tiền 306.954.400 đồng, bao gồm tiền nợ gốc và nợ lãi theo mức suất quy định kể từ ngày 26/12/2020 đến 11/3/2023 sẽ là 26 tháng 5 ngày. Cụ thể như sau:

- Số tiền 214.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 26 tháng = 92.362.400 đồng.

- Số tiền 214.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 5 ngày = 592.000 đồng.

Tổng cộng 214.000.000 đồng + 92.362.400 đồng + 592.000 đồng = 306.954.400 đồng và tiếp tục trả lãi đến ngày vụ án được đưa ra xét xử.

Tuy nhiên tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà Th thanh toán nợ gốc 214.000.000 đồng, không yêu cầu thanh toán lãi. Yêu cầu bà Th thanh toán cho ông Ch, không đồng ý thanh toán cho ông Ch và bà T, không đồng ý với ý kiến, yêu cầu của đại diện của bà T tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị Tuyết Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho bà Th đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 09/8/2023, bà Th và ông Th1 có mặt, bà L vắng mặt, nên Tòa án hoãn phiên hòa giải, nhưng bà Th không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Th đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Th vẫn vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị L là người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị T trình bày tại phiên tòa như sau: Bà thống nhất với trình bày của đại diện nguyên đơn về số tiền cho bà Th vay và số tiền yêu cầu bà Th thanh toán là 214.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên bà xác định số tiền ông Ch cho bà Th vay là tài sản chung của ông Ch và bà T, vì tại thời điểm cho vay T và Ch còn sống chung, cũng có nhiều lần bà T trực tiếp giao tiền cho bà Th nhận, nên bà T yêu cầu bà Th thanh toán nợ cho cả ông Ch và bà T, không đồng ý yêu cầu nguyên đơn chỉ thanh toán cho ông Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bà Đỗ Thị Tuyết Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà Đỗ Thị Tuyết Th.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vay là 214.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu, lời trình bày của mình nguyên đơn cung cấp chứng cứ là biên nhận do bà Th viết vào ngày 26/11/2020. Nguyên đơn xác định số tiền cho vay là tài sản riêng của nguyên đơn, yêu cầu bà Th thanh tóan cho ông Ch, không phải tài sản chung của ông Ch và bà T, nên không đồng ý bà Th thanh toán chung cho ông Ch và bà T. Đại diện bà T cho rằng số tiền trên là tài sản chung của ông Ch và bà T, nên yêu cầu bà Th thanh toán chung cho ông Ch và bà T, không đồng ý thanh toán riêng cho ông Ch. Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ và trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định ông Ch và bà T ly hôn vào tháng 02 năm 2019, còn việc cho vay diễn ra từ tháng 7/2019. Bà L cho rằng thời điểm cho vay ông Ch và bà T chưa ly hôn. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 25/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thì có căn cứ xác định bà T và ông Ch đến tháng 12/2019 mới ly hôn. Đồng thời, tại biên nhận ngày 26/11/2020 âm lịch, nội dung bà Th viết " tôi tên Th mượn của Ch T 284.000.000 đồng, đã gởi 50.000.000 đồng". Mặt khác, ngoài lời trình bày thì nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền cho vay là tài riêng của nguyên đơn. Như vậy, thấy rằng số tiền cho bà Th vay là tài sản chung của ông Ch và bà T, vì được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, phù hợp với trình bày của bà L tại phiên tòa. Đối với bà Th không có ý kiến, nên không xem xét. Do bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với ông Ch và bà T, nên cần buộc bà Th thanh toán nợ là phù hợp. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án đến nay bà T không có đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu bà Th thanh toán khoản tiền nêu trên, nên không có cơ sở buộc bà Th thanh toán cho bà T và ông Ch. Trường hợp bà T và ông Ch có tranh chấp về tài sản chung, thì bà T có quyền khởi kiện ông Ch vụ án khác. Do đó, buộc bà Th thanh toán cho ông Ch số tiền 214.000.000 đồng có căn cứ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ch, về việc yêu cầu bà Đỗ Thị Tuyết Th thanh toán nợ vay.

Buộc bà Đỗ Thị Tuyết Th có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hữu Ch số tiền 214.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hữu Ch có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị Tuyết Th không thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đỗ Thị Tuyết Th phải nộp 10.700.000 đồng (chưa nộp), nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau. Ông Nguyễn Hữu Ch không phải nộp án phí, ngày 12/4/2023 đã nộp tạm ứng án phí 7.674.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (biên lai thu 0003190), được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Ch, bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hân